

Bản án số 122/2017/HSST
Ngày 21 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi.
2. Bà Hoàng Thị Hải Yến.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2017/HSST ngày 01/9/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2017/HSST-QĐ ngày 07/9/2017 đối với bị cáo:

- Họ tên: **LƯƠNG VĂN L**, sinh năm 1979
- Tên gọi khác: không
- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không
- Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 04/12
- Con ông: Lương Hồng Q, sinh năm 1948;
- Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1949;
- Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con út;
- Vợ: Thân Thị K, sinh năm 1983;
- Con: Lương Thị H, sinh năm 2002
- Tiền án, tiền sự: không

- Nhân thân: Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc đưa Lương Văn L vào Trung tâm giáo dục, lao động xã hội tỉnh Bắc Giang, thời gian giáo dục và chữa bệnh 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/5/2014.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 25/7/2017, chuyển tạm giam ngày 27/7/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Quách Văn M, Sinh năm 1981. Trú tại: phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Anh Thân Văn T, Sinh năm 1978. Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 35 phút ngày 25/7/2017 tại dốc bờ đê Chi Ly 1, phường P, thành phố B, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Lương Văn L, sinh năm 1979, trú tại: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 03 (ba) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Hêrôin, thu tại nền đất cạnh chỗ L đứng do L thả từ tay trái xuống khi bị bắt;

- Số tiền 150.000 đồng.

Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng nghi ma túy vào 01 (một) phong bì thư, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Kết luận giám định số 1152/KL-PC54 ngày 26/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Trong 01 (một) phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 03 (ba) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng đều là chất ma túy Heroín, có tổng trọng lượng (khối lượng): 0,178 gam”.

Quá trình điều tra, Lương Văn L khai nhận như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/7/2017, L rủ anh Thân Văn T, sinh năm 1978, là người cùng thôn, đi lên thành phố B có việc. Khi đi đến khu vực phường M, thành phố B, L vào một cửa hiệu cầm đồ cầm chiếc điện thoại di động của L được 300.000 đồng. Sau đó, L

bảo anh T chở lên khu bờ đê Chi Ly 1, phường P, thành phố B. Đến nơi, L bảo T chờ ở trên bờ đê, còn L đi xuống dốc bờ đê gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 150.000 đồng được 03 (ba) gói ma túy Hêrôin. L cầm số ma túy vừa mua được ở tay trái rồi quay ra chỗ T đợi, khi đi được khoảng 15 mét thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Lương Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 133/KSĐT ngày 30/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Lương Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Người phụ nữ bán ma túy cho L do L khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

Đối với anh Thân Văn T là người chở L đi mua ma túy nM không biết mục đích của L là đi mua ma túy nên không phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Hồi 11 giờ 35 phút ngày 25/7/2017 tại dốc bờ đê Chi Ly 1, phường P, thành phố B, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Lương Văn L có hành vi tàng trữ trái phép 0,178 gam chất ma túy Hêrôin để sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

Vật chứng là 150.000 đồng của bị cáo L không L quan đến vụ án trả lại cho bị cáo.

Về án phí và hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đề nghị miễn án phí và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 35 phút ngày 25/7/2017 tại dốc bờ đê Chi Ly 1, phường P, thành phố B, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Lương Văn L có hành vi tàng trữ trái phép 0,178 gam chất ma túy Hêrôin để sử dụng.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc tàng trữ, sử dụng các chất ma túy của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây ảnh hưởng không tốt đến gia đình và xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh một số tội phạm nguy hiểm khác, là con đường lây lan của một số căn bệnh xã hội nguy hiểm cho bản thân bị cáo và xã hội. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo khoản, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc đưa Lương Văn L vào Trung tâm giáo dục, lao động xã hội tỉnh Bắc Giang, thời gian giáo dục và chữa bệnh 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/5/2014. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và Điều 46 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, còn đối với quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù nên cần

áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2016/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 27/7/2017, UBND xã T, huyện Y xác nhận bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không có điều kiện nộp tiền phạt, cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ 01 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định là tang vật của vụ án, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng là 150.000 đồng của bị cáo L không L quan đến vụ án trả lại cho bị cáo nM cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 và Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, phạt bị cáo Lương Văn L 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo 150.000 đồng không L quan đến vụ án nM tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số 110/XVC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo Lương Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường